

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company:*

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ *I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company*

2. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank* : Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ *Securities code* : **FUEIP100**

4. Tên quỹ ETF/ *ETF name* : Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address* : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date* :

12/11/2025

7. Đơn vị tính/*Unit* : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.*

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
<i>No</i>	<i>Securities code</i>	<i>Quantity</i>	<i>Weight</i>
I.	Chứng khoán/Stock	1,213,710,000	96.09%
1	ACB	2,100	4.13%
2	BID	100	0.30%
3	BVH	100	0.42%
4	CII	300	0.54%
5	CMG	100	0.30%
6	CTG	400	1.54%
7	DBC	100	0.20%
8	DCM	100	0.27%
9	DGC	100	0.73%
10	DGW	100	0.31%
11	DIG	300	0.48%
12	DPM	100	0.18%
13	DXG	400	0.60%
14	EIB	700	1.16%
15	EVF	400	0.38%
16	FPT	700	5.33%
17	FRT	100	1.12%
18	FTS	100	0.26%
19	GAS	100	0.48%
20	GEX	300	1.03%
21	GMD	200	0.97%

22	GVR	100	0.22%
23	HAG	400	0.51%
24	HCM	300	0.54%
25	HDB	1,300	3.05%
26	HDG	100	0.24%
27	HHV	200	0.21%
28	HPG	2,000	4.21%
29	HSG	200	0.27%
30	KBC	200	0.51%
31	KDH	300	0.78%
32	LPB	1,400	5.26%
33	MBB	1,900	3.49%
34	MSB	1,000	0.96%
35	MSN	400	2.48%
36	MWG	500	3.09%
37	NAB	700	0.80%
38	NKG	200	0.26%
39	NLG	100	0.29%
40	OCB	400	0.39%
41	PAN	100	0.24%
42	PCI	100	0.19%
43	PDR	300	0.50%
44	PLX	100	0.27%
45	PNJ	100	0.71%
46	POW	300	0.33%
47	PVD	100	0.19%
48	PVT	100	0.14%
49	REE	100	0.51%
50	SAB	100	0.37%
51	SHB	1,500	1.88%
52	SSB	700	0.92%
53	SSI	700	1.93%
54	STB	900	3.54%
55	TCB	1,900	5.06%
56	TCH	200	0.33%
57	TPB	700	0.94%
58	VCB	400	1.87%
59	VCG	200	0.37%
60	VCI	200	0.58%
61	VHM	600	4.28%
62	VIB	1,000	1.44%
63	VIC	600	9.55%
64	VIX	700	1.35%

103
 CÔNG
 TN
 TH
 LY C
 CÔNG
 I.
 P

65	VJC	100	1.38%
66	VND	500	0.77%
67	VNM	400	1.87%
68	VPB	2,300	5.01%
69	VRE	400	0.98%
70	VSC	200	0.32%
II.	Tiền/Cash (VND)	49,356,097	3.91%
III.	Tổng/Total	1,263,066,097	100.00%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoá đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND) 1,213,710,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit: (VND) 1,263,066,097

Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND) 49,356,097

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	24,850	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	38,000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	96,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	61,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	23,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	78,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	89,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	63,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	33,650	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	16,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	27,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	19,400	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

Đại diện tổ chức/Organization Representative
Người được ủy quyền công bố thông tin/Persons Authorized to Disclose Information
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)/ (Signature, full name and seal - if any)



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thúy Lan

